

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

MỤC LỤC

| | <u>Trang</u> |
|--|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ | 4 - 6 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT | |
| Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ | 7 - 8 |
| Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ | 9 |
| Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ | 10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ | 11 - 41 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.
Tên viết tắt là : SHG
Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| | | |
|--------------------------|---------------------|--------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Trần Huyền Linh | Chủ tịch |
| | Ông Lê Xuân Thi | Phó Chủ tịch |
| | Ông Phạm Văn Nghĩa | Thành viên |
| | Ông Lã Tuấn Hưng | Thành viên |
| | Ông Phan Việt Anh | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

| | | |
|--------------------------|-----------------------|--|
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Lã Tuấn Hưng | Tổng Giám đốc |
| | Ông Nguyễn Đức Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| | Ông Phan Việt Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ban Kiểm soát | Ông Trần Anh Tài | Trưởng ban kiểm soát |
| | Ông Cao Tiến Trung | Thành viên |
| | Bà Phạm Thị Mai Hương | Thành viên - Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ngày 31/12/2017 |
| Kế toán trưởng | Bà Nguyễn Thị Nhung | |

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lã Tuấn Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

Số. 683/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘVề Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018
của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng được lập ngày 18 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán và kiểm toán viên đã đưa ra Báo cáo kiểm toán số 541/2018/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM ký ngày 01 tháng 06 năm 2018 có ý kiến dạng ngoại trừ. Các vấn đề ngoại trừ tại báo cáo kiểm toán vẫn tiếp tục ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018, cụ thể:

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận trên khoản mục "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" với số tiền là 218.892.091.542 đồng, "Phải thu khác" với số tiền là 161.457.395.912 đồng. Tổng Công ty đã trích lập "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" là 196.854.316.776 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu đầy đủ của các khoản nợ phải thu. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

Tại ngày 30/06/2018, Tổng Công ty đang ghi nhận trên khoản mục "Phải trả người bán ngắn hạn" với số tiền là 296.245.602.781 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2017 và 30/06/2018; không thể đánh giá được số có khả năng trả nợ và khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Do đó chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã cho bà Lê Thị Minh Nguyệt và Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê phần diện tích tạm tính của khu văn phòng và khu dịch vụ thuộc dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 mà Tổng Công ty đang trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là "Tài sản dở dang dài hạn" có giá trị tài sản tạm tính là 23.725.454.545 đồng. Trong đó: giá trị cho Bà Lê Thị Minh Nguyệt thuê được phản ánh ở chỉ tiêu người mua trả tiền trước ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty là 21.454.000.000 đồng; giá trị cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sông Hồng thuê được phản ánh ở chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty là 54.973.840.000 đồng. Hiện nay, thủ tục quyết toán dự án chưa hoàn tất nên Tổng công ty chưa hạch toán tăng bất động sản đầu tư, chưa ghi nhận doanh thu, giá vốn từ các giao dịch này. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhưng vẫn không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

Ban điều hành dự án DH 1.6 đã thông báo ngừng hoạt động cho Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Bình từ ngày 20/10/2015, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Ban DH 1.6 tại thời điểm 30/06/2018, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính năm 2015 với số dư Tổng tài sản là 771.807.613 đồng; Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính năm 2017 và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2018 (do Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh). Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017. Chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng nào được lập liên quan đến Nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng. Bản án số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng kết luận Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là 238.974.988.001 đồng, trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 143.536.699.529 đồng.

Ý kiến kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.17 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Chi phí ghi nhận vào giá vốn các công trình chưa có hóa đơn GTGT có số tiền là 248.566.405.138 đồng, được trích trước chi phí phải trả qua nhiều năm tài chính và chưa được Tổng Công ty quyết toán tại ngày 30/06/2018.

Như đã trình bày tại đoạn (i) thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chỉ tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.

Như đã trình bày tại đoạn (iii) thuyết minh số 6.2 Thông tin khác, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009. Do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty và tổng thầu là Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam đang làm việc để đối chiếu khối lượng phát sinh mà Tổng Công ty đã thực hiện. Đồng thời, các khoản chi phí lãi vay phải thu lại từ các nhà thầu phụ liên quan cũng sẽ được điều chỉnh khi Tổng Công ty thống nhất được với các nhà thầu phụ.

Như đã trình bày tại đoạn (vi) thuyết minh số 6.4, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Thông báo số 1597/NHNoHK-KHKD và số 1598/NHNoHK-KHKD ngày 24/11/2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm thông báo v/v: Khởi kiện Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng để thu hồi khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng, Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương. Dựa trên các tài liệu hiện có chúng tôi không thể xác định được số nợ vay được bảo lãnh và các điều chỉnh, nếu cần thiết liên quan đến các nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty.

Như trình bày tại thuyết minh Hoạt động liên tục phần Thuyết minh số 4 - Các chính sách kế toán áp dụng, tại ngày 30/06/2018, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty là (506.419.690.634) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 196.102.421.992 đồng; Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 là âm; Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ. Mặt khác, Tổng Công ty đang là Bị đơn liên quan đến tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh 6.2, 6.3, 6.4 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.



Phan Thanh Nam

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

| | MS | TM | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 968.009.468.171 | 1.013.296.821.945 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 24.315.463.591 | 28.636.117.391 |
| 1. Tiền | 111 | | 24.315.463.591 | 28.636.117.391 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 5.2 | 36.300.000.000 | - |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 36.300.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 469.567.084.633 | 540.468.515.169 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.3 | 218.892.091.542 | 247.719.380.666 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.4 | 283.539.130.159 | 279.538.306.614 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | 2.464.037.281 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | 1.817.394.361 | 1.817.394.361 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | 14.445.095 | 414.445.095 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 161.457.395.912 | 210.414.648.189 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (196.854.316.776) | (201.899.697.037) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 5.7 | 700.944.340 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 417.022.155.582 | 421.450.854.378 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 5.8 | 417.022.155.582 | 421.450.854.378 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 20.804.764.365 | 22.741.335.007 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 5.9 | 3.184.541.838 | 3.213.829.290 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 13.470.432.116 | 12.750.908.540 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.10 | 4.149.790.411 | 6.776.597.177 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 483.725.051.533 | 475.895.419.780 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 296.257.770.081 | 279.663.542.503 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 5.5 | 296.257.770.081 | 279.663.542.503 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 12.943.966.652 | 19.262.190.495 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.13 | 12.943.966.652 | 19.262.190.495 |
| - Nguyên giá | 222 | | 89.340.784.778 | 107.296.389.167 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (76.396.818.126) | (88.034.198.672) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.11 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 10.700.000 | 10.700.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (10.700.000) | (10.700.000) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 5.12 | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 5.14 | 84.386.500.170 | 84.386.500.170 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 73.827.386.228 | 73.827.386.228 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 12.259.113.942 | 12.259.113.942 |
| 3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (1.700.000.000) | (1.700.000.000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 16.231.625.360 | 18.683.497.342 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 5.9 | 16.231.625.360 | 18.527.214.607 |
| 2. Lợi thế thương mại | 269 | | - | 156.282.735 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200) | 270 | | 1.451.734.519.704 | 1.489.192.241.725 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

| | MS | TM | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|------------|------|--------------------------|--------------------------|
| C- NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.647.832.198.696 | 1.658.874.410.009 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.328.332.032.002 | 1.336.442.535.910 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.16 | 296.245.602.781 | 312.568.780.675 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 5.15 | 166.965.957.649 | 142.064.948.842 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.10 | 26.657.035.387 | 28.214.422.257 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 16.312.374.523 | 15.932.877.104 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 5.17 | 393.077.232.593 | 380.774.506.136 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.18 | 109.935.789.485 | 99.068.910.844 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 5.20 | 318.920.431.676 | 357.599.708.286 |
| 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 322 | | 217.607.908 | 218.381.766 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 319.500.166.694 | 322.431.874.099 |
| 1. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 5.17 | 115.700.000 | - |
| 2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 5.19 | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 337 | 5.18 | 263.142.664.403 | 267.142.664.403 |
| 4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 5.20 | 1.070.992.595 | 118.400.000 |
| D- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (196.097.678.992) | (169.682.168.284) |
| I- Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.21 | (196.102.421.992) | (170.748.651.811) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | 411a | | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 24.126.376.429 | 24.126.376.429 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 1.072.018.933 | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (390.000.000) | (390.000.000) |
| 5. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 26.413.502.573 | 27.278.928.479 |
| 6. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | 25.981.000 | 25.981.000 |
| 7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 6.158.136.532 | 6.710.417.519 |
| 8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (506.419.690.634) | (486.716.461.218) |
| - <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a | | (484.666.786.095) | (431.120.993.570) |
| - <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | | (21.752.904.539) | (55.595.467.648) |
| 9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | (17.088.746.825) | (11.783.894.020) |
| II- Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | 4.743.000 | 1.066.483.527 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 4.743.000 | 935.789.083 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | 130.694.444 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.451.734.519.704 | 1.489.192.241.725 |
| (440 = 300+400) | | | | |

Người lập

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lã Tuấn Hưng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

| CHỈ TIÊU | MS | TM | Kỳ kế toán 6 tháng | Kỳ kế toán 6 tháng |
|--|----|------|--------------------|--------------------|
| | | | ngày 30/06/2018 | ngày 30/06/2017 |
| | | | VND | VND |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.22 | 13.318.031.101 | 100.679.007.537 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02) | 10 | | 13.318.031.101 | 100.679.007.537 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.23 | 13.304.526.327 | 93.287.022.579 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11) | 20 | | 13.504.774 | 7.391.984.958 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.24 | 2.767.699.186 | 1.210.086.678 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.25 | 13.794.806.610 | 19.174.353.622 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 13.794.806.610 | 19.174.353.622 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | (1.014.487.561) |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | - | 2.440.206.802 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.26 | 11.203.342.305 | 21.058.948.893 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)} | 30 | | (22.216.944.955) | (35.085.925.242) |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 5.27 | 2.761.804.636 | 1.571.831.871 |
| 13. Chi phí khác | 32 | 5.27 | 2.297.764.220 | 290.262.840 |
| 14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32) | 40 | | 464.040.416 | 1.281.569.031 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45) | 50 | | (21.752.904.539) | (33.804.356.211) |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52) | 60 | | (21.752.904.539) | (33.804.356.211) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | (20.455.875.733) | (32.775.651.488) |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | (1.297.028.806) | (956.137.125) |
| 20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.28 | (759) | (1.937) |

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lã Tuấn Hưng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

| CHỈ TIÊU | MS | Kỳ kế toán 6 tháng | Kỳ kế toán 6 tháng |
|---|----|--------------------|--------------------|
| | | ngày 30/06/2018 | ngày 30/06/2017 |
| | | VND | VND |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (21.752.904.539) | (33.804.356.211) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư | 02 | 2.868.409.246 | 3.985.729.285 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | - | 1.289.254.451 |
| - Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (2.767.699.186) | (1.210.086.678) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 13.794.806.610 | 19.174.353.622 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (7.857.387.869) | (10.565.105.531) |
| - Tăng giảm các khoản phải thu | 09 | 48.331.873.289 | 184.354.547.254 |
| - Tăng giảm hàng tồn kho | 10 | 4.428.698.796 | 149.328.360.979 |
| - Tăng giảm các khoản phải trả | 11 | 16.591.823.986 | (272.921.603.672) |
| - Tăng giảm chi phí trả trước | 12 | 2.324.876.699 | 9.810.371.205 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (1.996.467.545) | (1.898.782.535) |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - | (37.181.195) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 61.823.417.356 | 58.070.606.505 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | - | (129.195.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 243.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (36.543.000.000) | - |
| 4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 5.114.913.673 | 1.937.500.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 2.767.699.186 | 194.947.479 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (28.417.387.141) | 2.003.252.479 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | 65.219.780.000 | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | (65.219.780.000) | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | 21.497.324.000 | 25.665.595.583 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (59.224.008.015) | (107.868.873.656) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (37.726.684.015) | (82.203.278.073) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40) | 50 | (4.320.653.800) | (22.129.419.089) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 28.636.117.391 | 37.114.281.849 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | 24.315.463.591 | 14.984.862.760 |

Người lập

Nguyễn Thị Khánh Hậu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhung

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc

Lã Tuấn Hưng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09A - DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng tiền thân là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 2410/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 và số 1219/QĐ-BXD ngày 25/08/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức lại Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 110561 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp và chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 2600104283 đăng ký lần đầu ngày 02/06/2010. Và đã được thay đổi lần 4 ngày 03/08/2016 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp là 2600104283.

Tên Tổng Công ty bằng tiếng Anh là : SONG HONG CORPORATION.

Tên viết tắt là : SHG

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là : 270.000.000.000 VND (hai trăm bảy mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 70, phố An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30/06/2018, khối lượng cổ phiếu đang niêm yết là 27.000.000 cổ phiếu, giá đóng cửa của cổ phiếu SHG là 2.600 đồng/ cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty tiếp tục đưa vào diện bị hạn chế giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM theo Thông báo số 535/TB-SGDHN ngày 25/05/2018 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1.2 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

| Tên công ty, đơn vị | % sở hữu theo cam kết | % sở hữu thực tế |
|--|-----------------------|------------------|
| Đầu tư vào Công ty con | | |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long | 55,73% | 55,73% |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng | 65,00% | 65,00% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng | 55,00% | 66,31% |
| Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Đô thị Sông Hồng | 51,00% | 57,08% |
| Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng | 100,00% | 100,00% |
| Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương | 100,00% | 100,00% |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1 Sông Hồng | 43,25% | - |
| Công ty Cổ phần Năng lượng Sông Hồng | 48,91% | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | 21,00% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng) | 20,00% | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư TM và Xây dựng CT Giao thông Hà Nội | 22,51% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 36 | 48,75% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Bình Tây | 62,81% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Tây Đô | 45,45% | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 | 13,33% | - |
| Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng | 32,90% | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và KD Bất động sản Hà Nội Sông Hồng | 22,51% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Miền Trung | 35,50% | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn | 37,98% | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

1.2 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Địa chỉ

Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Ban điều hành Dự án Xây dựng gói thầu DH 1.6

Tiểu khu 11, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Ban điều hành thi công gói thầu số 3 - Dự án thoát nước Hà Nội

Số 5/158 Hoàng Văn Thái, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Ban quản lý dự án Khu nhà ở cho cán bộ Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Việt Nam

Số 70 An Dương, phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội

Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Thôn Hải Phong, xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

1.3 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2. NĂM TÀI CHÍNH/ KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con, Công ty liên kết do Công ty kiểm soát được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần của Công ty con hợp nhất trong kỳ hoạt động được xác định và loại trừ ra khỏi thu nhập của tập đoàn để tính lãi, hoặc lỗ thuần có thể được xác định cho những đối tượng sở hữu Công ty mẹ;

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu trong phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2018, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Tổng Công ty là (474.805.888.151) đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 147.346.690.357 đồng; Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 là âm và Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ. Mặt khác, Tổng Công ty đang là Bị đơn liên quan đến vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng.

Để khắc phục tình trạng này, Ban Tổng Giám đốc đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng sẽ bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018;
- Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 bằng cách chào bán cổ phần riêng lẻ (cổ phiếu phổ thông) để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ thêm 180 tỷ đồng để đạt 450 tỷ đồng bằng hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ, thời điểm thực hiện vào cuối quý 3 đến đầu quý 4 năm 2018.
- Thực hiện quyết toán các công trình tồn đọng và thu hồi công nợ.

Bằng các biện pháp trên, cùng với sự hỗ trợ của Cổ đông lớn là Bộ Xây dựng, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên do chưa thu thập đầy đủ các báo cáo tài chính của các công ty liên kết tại thời điểm 30/06/2018 nên tại báo cáo này, các khoản đầu tư được trình bày theo Phương pháp giá gốc.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

IN:
CÔ
TI
Ê
A
V
4A

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tổng Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013; thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành; Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

| | Số năm |
|---------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10-15 |
| Máy móc và thiết bị | 03-08 |
| Phương tiện vận tải | 06-10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-08 |

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Tổng Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 4.837.971.073 | 4.603.871.140 |
| Tiền gửi ngân hàng | 19.477.492.518 | 24.032.246.251 |
| Tổng | 24.315.463.591 | 28.636.117.391 |

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 36.300.000.000 | 36.300.000.000 | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn (i) | 35.900.000.000 | 35.900.000.000 | - | - |
| Khoản đầu tư khác | 400.000.000 | 400.000.000 | - | - |
| Tổng | 36.300.000.000 | 36.300.000.000 | - | - |

(i) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thăng Long, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương (PGD Quán Thánh) theo các biên bản thỏa thuận quản lý tạm thời nguồn vốn giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ban QLDA Cung quy hoạch, hội trợ và triển lãm tỉnh Quảng Ninh | 27.762.039.000 | 27.762.039.000 |
| Sở VHTT và Du lịch Nam Định | 20.081.781.282 | 20.081.781.282 |
| Ban QLDA ĐTPT Giao thông Hà Nội | 15.331.551.500 | 15.331.551.500 |
| Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam | 14.808.797.620 | 15.520.617.823 |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 36 | 13.505.443.049 | 13.505.443.049 |
| Công ty CP BĐS Đông Đô- Bộ Quốc Phòng | 11.307.844.390 | 11.307.844.390 |
| Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | 11.151.988.000 | 23.151.988.000 |
| Ban QLDA công trình xây dựng tỉnh Sóc Trăng | 10.206.469.340 | 3.345.641.158 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Minh Phương | 9.100.000.000 | 9.100.000.000 |
| Tập đoàn Dệt may Việt Nam | 9.073.026.853 | 9.073.026.853 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng 24 | 8.601.928.561 | 8.601.928.561 |
| BQLDA trọng điểm Phát triển đô thị Hà Nội | 8.078.843.300 | 8.078.843.300 |
| Công ty Cổ phần Sơn Sông Hồng | 6.390.729.411 | 6.390.729.411 |
| Ban QLDA Giao thông đô thị | 4.482.768.056 | 4.482.768.056 |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 | 4.081.977.592 | 4.081.977.592 |
| Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng | 3.897.962.892 | 3.897.962.892 |
| BĐH Nam Trung Yên | 3.052.041.466 | 3.052.041.466 |
| Trường Cao đẳng xây dựng công trình đô thị | 3.047.721.580 | 632.475.580 |
| Ban QLDA Đầu tư cơ sở hạ tầng TP Đà Nẵng | 2.767.941.564 | 2.767.941.564 |
| Công ty TNHH Xây dựng tổng hợp Đồng Hới | 2.354.452.823 | 2.354.452.823 |
| Trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh | 1.540.000.000 | 1.540.000.000 |
| Ban QLDA đường 39-2 | 1.534.227.386 | 1.534.227.386 |
| Ban QLDA xây dựng y tế - Sở Y tế Bắc Giang | 1.390.500.000 | 1.390.500.000 |
| Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP | 1.285.037.906 | 1.285.037.906 |
| Khách hàng khác | 24.057.017.971 | 49.448.561.074 |
| Tổng | 218.892.091.542 | 247.719.380.666 |

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Sông Hồng Đà Nẵng (Sông Hồng 24) | 43.574.509.655 | 43.574.509.655 |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Sài Gòn | 126.390.086.131 | 126.390.086.131 |
| Các đối tượng khác | 113.574.534.373 | 109.573.710.828 |
| Tổng | 283.539.130.159 | 279.538.306.614 |

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Dự phòng | Giá trị ghi sổ | Dự phòng |
| Ngắn hạn | 161.457.395.912 | (81.597.666.440) | 210.414.648.189 | (81.672.566.440) |
| - Tạm ứng | 35.053.719.565 | (5.208.684.018) | 52.466.927.333 | (5.283.684.018) |
| - Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 3.720.227.480 | - | 3.720.227.480 | - |
| - Phải thu về Cổ phần hóa | 3.272.316.156 | - | 3.272.316.156 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 205.000.000 | - | 1.769.137.050 | - |
| - Phải thu khác bao gồm: | 119.206.132.711 | (76.388.982.422) | 149.186.040.170 | (76.388.882.422) |
| + Thu bàn giao | - | - | 65.219.780.509 | - |
| + Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 | 27.893.362.959 | (27.893.362.959) | 27.893.362.959 | (27.893.362.959) |
| + Phải thu khác | 91.312.769.752 | (48.495.619.463) | 56.072.896.702 | (48.495.519.463) |
| Dài hạn | 296.257.770.081 | - | 279.663.542.503 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 8.837.178.097 | - | 9.880.178.097 | - |
| - Ban Quản lý Dự án Thái Hà | 276.576.731.784 | - | 258.939.504.206 | - |
| - Các khoản khác | 10.843.860.200 | - | 10.843.860.200 | - |
| Tổng | 457.715.165.993 | (81.597.666.440) | 490.078.190.692 | (81.672.566.440) |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
|--|-----------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|
| | | | | |
| Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi | 227.326.201.131 | 30.471.884.355 | 232.371.581.392 | 30.471.884.355 |
| Trong đó: | | Quá hạn trên 01 năm | Quá hạn trên 02 năm | Quá hạn trên 03 năm |
| Công ty CP Sông Hồng 6 | | - | - | 27.893.362.959 |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | | - | - | 19.190.611.925 |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Đà Nẵng (SH 24) | | - | - | 27.646.653.721 |
| Cty CP đầu tư XD Minh Phương | | - | - | 9.100.000.000 |
| Công ty CP Tư vấn TK&XD Sông Hồng | | - | - | 9.750.490.759 |
| Các đối tượng khác | | - | - | 133.745.081.767 |
| Tổng | | - | - | 227.326.201.131 |

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|---|------------|--------------------|------------|----------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| - Tiền mặt tại Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương (ii) | - | 700.944.340 | - | - |
| Tổng | | 700.944.340 | | - |

(ii) Theo biên bản kiểm kê tiền mặt ngày 23/06/2018 v/v bàn giao quỹ tiền mặt tại thời điểm 22/05/2018 thì tiền mặt thực tế bàn giao là 0 đồng; số kế toán là 701.000.223 đồng.

5.8 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|-----------------------------|------------------------|----------|------------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 18.944.486 | - | 1.247.024.918 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 37.979.770 | - | 75.959.560 | - |
| Chi phí SXKD dở dang | 378.185.231.326 | - | 377.723.343.080 | - |
| Thành phẩm nhập kho | - | - | 3.624.526.820 | - |
| Hàng hóa Bất động sản (iii) | 38.780.000.000 | - | 38.780.000.000 | - |
| Tổng | 417.022.155.582 | - | 421.450.854.378 | - |

(iii): Khoản tiền Tổng Công ty chi ra để mua lô đất tại Khu biệt thự Tây Hồ, hiện các lô đất này đã được chuyển nhượng cho các cá nhân khác bên ngoài nhưng do chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý nên vẫn đang theo dõi khoản tiền này trên khoản mục hàng tồn kho và khoản tiền nhận được từ việc bán lô đất này trên khoản mục Người mua trả tiền trước trên Báo cáo tài chính, số tiền 38.780.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.9 Chi phí trả trước

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 3.184.541.838 | 3.213.829.290 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác | 3.184.541.838 | 3.213.829.290 |
| Dài hạn | 16.231.625.360 | 18.527.214.607 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác | 963.559.810 | 1.232.129.780 |
| Giá trị thương hiệu Tổng Công ty Sông Hồng | 1.533.333.320 | 1.933.333.320 |
| Lợi thế thương mại phát sinh do xác định giá trị doanh nghiệp | | |
| - Lợi thế lô đất Số 70 An Dương, Hà Nội | 13.512.256.887 | 15.139.276.164 |
| - Lợi thế tại lô đất Chi nhánh Lào Cai | 222.475.343 | 222.475.343 |
| Tổng | 19.416.167.198 | 21.741.043.897 |

5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

| | 01/01/2018 | Số phải nộp trong kỳ | Số đã thực nộp trong kỳ | 30/06/2018 |
|---|-----------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Phải nộp | 28.214.422.257 | (1.066.724.192) | 490.662.678 | 26.657.035.387 |
| Thuế giá trị gia tăng | 21.414.820.173 | (284.782.813) | 250.959.999 | 20.879.077.361 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 42.149.935 | (40.111.140) | - | 2.038.795 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 712.045.688 | (258.936.902) | 117.183.763 | 335.925.023 |
| Thuế tài nguyên | 47.704.000 | (47.704.000) | - | - |
| Thuế nhà đất tiền thuê đất | 2.410.132.400 | 8.991.855 | 103.599.855 | 2.315.524.400 |
| Thuế khác | 371.417.980 | - | - | 371.417.980 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 3.216.152.081 | (444.181.192) | 18.919.061 | 2.753.051.828 |
| Phải thu | 6.776.597.177 | 2.632.806.766 | 6.000.000 | 4.149.790.411 |
| Thuế giá trị gia tăng vãng lai | 6.675.240.808 | 2.632.806.766 | - | 4.042.434.042 |
| Thuế TNDN nộp thừa | 92.821.146 | - | - | 92.821.146 |
| Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác | - | - | 6.000.000 | 6.000.000 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 8.535.223 | - | - | 8.535.223 |

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.11 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

| | <u>Phần mềm tin học</u> | <u>Tổng</u> |
|-------------------------------|-----------------------------|-------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 10.700.000 | 10.700.000 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư tại 30/06/2018 | <u>10.700.000</u> | <u>10.700.000</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 10.700.000 | 10.700.000 |
| Tăng trong kỳ | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư tại 30/06/2018 | <u>10.700.000</u> | <u>10.700.000</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại 01/01/2018 | - | - |
| Tại 30/06/2018 | <u>-</u> | <u>-</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.12 Tài sản dở dang dài hạn

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |
| - Khách sạn Royal Sông Hồng (iv) | 35.602.635.193 | 35.597.135.193 |
| - Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 – tạm tính (v) | 23.725.454.545 | 23.725.454.545 |
| - Dự án Khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật (vi) | 12.581.660.114 | 12.581.660.114 |
| - Các dự án khác | 1.995.439.418 | 1.995.439.418 |
| Tổng | 73.905.189.270 | 73.899.689.270 |

(iv): Dự án Khách sạn Royal Sông Hồng được thực hiện theo Quyết định số 108/QĐ-HĐQT-TCT ngày 03/04/2008 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng với tổng mức vốn đầu tư là 36,7 tỷ đồng. Thời gian thực hiện theo kế hoạch ban đầu là 18 tháng. Dự án đã hoàn thành các hạng mục chính. Các hạng mục còn lại là Hệ thống điều áp và Thang máy sẽ được triển khai tiếp trong thời gian tới. Theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 30/03/2015 của Hội đồng quản trị thì Tổng Công ty đang có kế hoạch tìm các đối tác đầu tư thành lập công ty để quản lý khai thác dự án, Tổng Công ty tham gia góp 45% vốn điều lệ tương ứng với phần chi phí đã bỏ ra. Tài sản hình thành từ Dự án được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương.

(v): Giá trị tạm tính phần diện tích văn phòng thuộc Dự án Nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 được phân chia theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

(vi) Đây là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc chuẩn bị đầu tư, xây dựng công trình "Dự án khu nhà ở cán bộ công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật" theo thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 06/03/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia về việc thực hiện Dự án nhà ở cán bộ, công chức Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia trên các lô đất 04 - BT3, 04 - CT2 và 04 - CT3 thuộc khu vực quy hoạch Bắc Cổ Nhuế - Chèm, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Theo thỏa thuận trong biên bản hợp ngày 26/11/2015 giữa Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật và Tổng Công ty cổ phần Sông Hồng thì sau khi xây dựng hoàn thành, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đảm bảo cung cấp cho Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia khoảng 175 căn hộ để phục vụ cho cán bộ, công chức Nhà xuất bản với giá bán là 16.500.000 đồng/m² (giá bán đã bao gồm VAT và phí bảo trì). Phần diện tích và căn hộ đầu tư thêm, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia thống nhất để Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng thực hiện bỏ vốn kinh doanh. Theo Quyết định số 88/QĐ-HĐQT ngày 22/07/2014 của Hội đồng Quản trị thì Dự án được thực hiện với tổng mức đầu tư là 1.595 tỷ và thời gian thực hiện dự kiến là 03 năm từ quý I/2014 đến quý IV/2016. Nghị quyết số 15a/NQ-HĐQT ngày 21/03/2018 v/v thông qua một số nội dung Hợp tác đầu tư Dự án và Dự án đang trong quá trình triển khai thực hiện.

N:
CÔ
T
KIẾ
CPA
YÔ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.13 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng |
|---|---------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------------|-----------------|
| NGUYỄN GIÁ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 29.301.293.462 | 53.325.764.963 | 23.197.163.052 | 1.472.167.690 | 107.296.389.167 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | 4.267.863.750 | 7.835.566.895 | 5.712.928.673 | 139.245.071 | 17.955.604.389 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.482.320.205 | - | 1.482.320.205 |
| Giảm do thoái vốn tại Công ty con - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | 4.267.863.750 | 7.835.566.895 | 4.230.608.468 | 139.245.071 | 16.473.284.184 |
| Số dư tại 30/06/2018 | 25.033.429.712 | 45.490.198.068 | 17.484.234.379 | 1.332.922.619 | 89.340.784.778 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 23.465.218.870 | 45.215.718.666 | 18.109.969.558 | 1.243.291.578 | 88.034.198.672 |
| Tăng trong kỳ | 457.654.278 | 1.639.261.042 | 771.493.926 | - | 2.868.409.246 |
| Khấu hao trong kỳ | 457.654.278 | 1.639.261.042 | 771.493.926 | - | 2.868.409.246 |
| Giảm trong kỳ | 4.021.768.556 | 6.364.484.509 | 3.980.291.656 | 139.245.071 | 14.505.789.792 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | 1.482.320.205 | - | 1.482.320.205 |
| Giảm do thoái vốn tại Công ty con - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | 4.021.768.556 | 6.364.484.509 | 2.497.971.451 | 139.245.071 | 13.023.469.587 |
| Số dư tại 30/06/2018 | 19.901.104.592 | 40.490.495.199 | 14.901.171.828 | 1.104.046.507 | 76.396.818.126 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại 01/01/2018 | 5.836.074.592 | 8.110.046.297 | 5.087.193.494 | 228.876.112 | 19.262.190.495 |
| Tại 30/06/2018 | 5.132.325.120 | 4.999.702.869 | 2.583.062.551 | 228.876.112 | 12.943.966.652 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạnĐơn vị tính: VND

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Đầu tư khác | 12.259.113.942 | (1.700.000.000) | 12.259.113.942 | (1.700.000.000) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng | 1.038.110 | - | 1.038.110 | - |
| Công ty Cổ phần Nhóm Sông Hồng | 1.264.586.273 | - | 1.264.586.273 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng | 500.000.000 | - | 500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng | 4.063.089.559 | - | 4.063.089.559 | - |
| Công ty CP Sông Hồng 9 | 2.000.000.000 | - | 2.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Sông Hồng (Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) | 1.700.000.000 | (1.700.000.000) | 1.700.000.000 | (1.700.000.000) |
| Công ty Cổ phần Reenco Thăng Long | 1.490.400.000 | - | 1.490.400.000 | - |
| Công ty Cổ phần Reenco Hòa Bình | 240.000.000 | - | 240.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Sông Hồng Đại Phát | 1.000.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| Tổng | 12.259.113.942 | (1.700.000.000) | 12.259.113.942 | (1.700.000.000) |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.14 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị ghi sổ |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết | 73.827.386.228 | 73.827.386.228 |
| Công ty CP Năng lượng Sông Hồng | 39.366.161.988 | 39.366.161.988 |
| Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | 15.337.115.721 | 15.337.115.721 |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | 8.030.536.408 | 8.030.536.408 |
| Công ty CP Đầu tư TM và Xây dựng | 4.711.850.417 | 4.711.850.417 |
| Công trình Giao thông Hà Nội | 3.591.154.868 | 3.591.154.868 |
| Công ty CP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng | 1.203.349.107 | 1.203.349.107 |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | 648.026.584 | 648.026.584 |
| Công ty CP Sông Hồng Bình Tây | 480.912.114 | 480.912.114 |
| Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Sông Hồng | 344.772.685 | 344.772.685 |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | 113.506.336 | 113.506.336 |

Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018, số liệu lấy theo Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017. Tổng Công ty không đánh giá được các ảnh hưởng của các khoản mục liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị này tại Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 của Tổng Công ty.

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| a, Ngắn hạn | 166.965.957.649 | 166.965.957.649 | 142.064.948.842 | 142.064.948.842 |
| Dự án biệt thự Tây Hồ | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 | 38.780.000.000 |
| Công ty CP Tập đoàn dược phẩm VIMDIMEX | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 | - | - |
| Lê Thị Minh Nguyệt | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 | 21.454.000.000 |
| Các đối tượng khác | 81.731.957.649 | 81.731.957.649 | 81.830.948.842 | 81.830.948.842 |
| Tổng | 166.965.957.649 | 166.965.957.649 | 142.064.948.842 | 142.064.948.842 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.16 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

| | 30/06/2018 | | 01/01/2018 | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ | Giá trị ghi sổ | Số có khả năng trả nợ |
| a, Ngắn hạn | 296.245.602.781 | - | 312.568.780.675 | - |
| Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng | 55.772.270.299 | | 41.643.323.466 | |
| Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng | 35.580.589.837 | | 38.735.405.632 | |
| Công ty CP Công nghiệp tàu thủy Đông Bắc | 28.493.447.615 | | 28.493.447.615 | |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | 20.071.122.423 | | 12.037.666.996 | |
| Công ty CP Công nghệ & Truyền thông Sông Hồng | 12.720.136.348 | | 13.151.395.104 | |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng | 8.315.012.877 | | 12.382.720.033 | |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | 6.644.357.996 | | 6.074.453.511 | |
| Công ty TNHH PT công nghệ hệ thống | 5.621.377.402 | | 5.621.377.402 | |
| Công ty CP Đầu tư và Thương mại quốc tế Huy Hoàng | 5.061.741.232 | | 4.861.639.192 | |
| Công ty CP Sông Hồng Đại Phát | 3.344.489.660 | | 4.544.489.660 | |
| Công ty CP Xây dựng Sông Hồng | 3.305.102.446 | | 3.305.102.446 | |
| Công ty CP Sông Hồng số 8 (Metroco) | 4.189.214.560 | | 4.589.214.560 | |
| Công ty CPXD Và TM Việt Hoà | 2.765.348.752 | | 2.765.348.752 | |
| Chi nhánh Công ty CP CMC tại Hà Nội | 2.733.541.886 | | 2.733.541.886 | |
| Công ty TNHH Trung Kiên | 2.700.503.690 | | 3.709.344.740 | |
| Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Huy Hoàng | 2.554.909.475 | | 2.554.909.475 | |
| Công ty CP Đầu tư và KD BĐS Hà Nội Sông Hồng | 2.528.899.709 | | 2.528.899.709 | |
| Xí nghiệp cơ khí Quang Trung | 2.169.953.000 | | 2.169.953.000 | |
| Công ty CP Xây dựng Bình An | 1.558.737.103 | | 1.558.737.103 | |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | 1.275.927.812 | | - | |
| Công ty CP Sông Hồng 6 (Sông Hồng 25) | 1.114.337.761 | | 1.314.337.761 | |
| Khách hàng khác | 87.724.580.898 | | 117.793.472.632 | |
| b, Dài hạn | - | - | - | - |
| Tổng | 296.245.602.781 | - | 312.568.780.675 | - |

Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng thanh toán và xác định số có khả năng chi trả nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

5.17 Chi phí phải trả

| | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 393.077.232.593 | 380.774.506.136 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 144.510.827.455 | 134.097.934.689 |
| Trích trước giá vốn công trình (vii) | 248.566.405.138 | 246.676.571.447 |
| Dài hạn | 115.700.000 | - |
| Lãi vay phải trả | 115.700.000 | - |
| Tổng | 393.192.932.593 | 380.774.506.136 |

(vii): Chi phí phải trả chưa có hóa đơn GTGT, trích trước qua nhiều năm tài chính và chưa được thanh quyết toán tại ngày 30/06/2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.18 Phải trả khác

| | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Ngắn hạn | 109.935.789.485 | 99.068.910.844 |
| Kinh phí công đoàn | 992.149.168 | 969.107.591 |
| Bảo hiểm xã hội | 5.011.986.443 | 9.421.864.517 |
| Bảo hiểm y tế | 781.565.195 | 1.513.875.718 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 199.489.254 | 529.173.124 |
| Phải trả về CP hóa | 4.176.729.883 | 4.169.029.883 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 80.000.000 | - |
| Phải trả, phải nộp khác | 98.693.869.542 | 82.465.860.011 |
| - Công ty CP Nhôm Sông Hồng | 3.862.093.801 | 3.862.093.801 |
| - Phải trả UBND Tỉnh Phú Thọ (Xi Măng Yên Mao) | 1.000.000.000 | 1.000.000.000 |
| - Phải trả Ban quản lý dự án biệt thự Tây Hồ | 600.000.000 | 600.000.000 |
| - Cổ tức phải trả cổ đông | 22.919.286.000 | 22.919.286.000 |
| - Khoản lỗ tại chi nhánh Miền Đông trước CP hóa chờ xử lý | 9.578.124.594 | 9.578.124.594 |
| - Các khoản phải trả khác | 60.734.365.147 | 44.506.355.616 |
| Dài hạn | 263.142.664.403 | 267.142.664.403 |
| Khoản thu tiền bán căn hộ nhà I1, I2, I3 Dự án Thái Hà chờ quyết toán | 231.920.228.906 | 231.920.228.906 |
| Phải trả cá nhân góp vốn Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | 174.205.096 | 174.205.096 |
| Giá trị văn phòng được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư ghi nhận theo số tạm tính của Ban Quản lý Dự án Thái Hà | 26.098.000.000 | 26.098.000.000 |
| Các khoản khác | 4.950.230.401 | 8.950.230.401 |
| Tổng | 373.078.453.888 | 366.211.575.247 |

5.19 Doanh thu chưa thực hiện

| | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Dài hạn | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |
| Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng (viii) | 54.973.840.000 | 54.973.840.000 |
| Doanh thu sử dụng thương hiệu Sông Hồng | 196.969.696 | 196.969.696 |
| Tổng | 55.170.809.696 | 55.170.809.696 |

(viii) Doanh thu cho thuê văn phòng thuộc Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 theo hợp đồng số 06/2012/HDTVP/TCT-SH Land ngày 04/09/2012 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN/HN

| 5.20 | Vay và nợ thuê tài chính | 30/06/2018 | | Trong kỳ | | 01/01/2018 | |
|------|--|-----------------|-----------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------------|
| | | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | Vay ngắn hạn | 126.811.039.963 | 126.811.039.963 | 20.537.324.000 | 58.917.600.610 | 165.191.316.573 | 165.191.316.573 |
| | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | - | - | - | 7.461.960.234 | 7.461.960.234 | 7.461.960.234 |
| | Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm | 65.023.992.253 | 65.023.992.253 | - | - | 65.023.992.253 | 65.023.992.253 |
| | Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ | 34.221.454.880 | 34.221.454.880 | - | - | 34.221.454.880 | 34.221.454.880 |
| | Vay đối tượng khác | 27.565.592.830 | 27.565.592.830 | 20.537.324.000 | 51.455.640.376 | 58.483.909.206 | 58.483.909.206 |
| | Nợ đến hạn trả | 192.109.391.713 | 192.109.391.713 | - | 299.000.000 | 192.408.391.713 | 192.408.391.713 |
| | Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh (ix) | 192.109.391.713 | 192.109.391.713 | - | 299.000.000 | 192.408.391.713 | 192.408.391.713 |
| | Vay dài hạn | 1.070.992.595 | 1.070.992.595 | 960.000.000 | 7.407.405 | 118.400.000 | 118.400.000 |
| | Vay đối tượng khác | 1.070.992.595 | 1.070.992.595 | 960.000.000 | 7.407.405 | 118.400.000 | 118.400.000 |

(ix): Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 0036/2011/HĐTD1 ngày 01 tháng 12 năm 2011 vay Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh với tổng hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 VND. Dư nợ tín dụng tính đến thời điểm 31/12/2015 là 193.102.141.087 VND. Thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2011. Lãi suất theo quy định của OceanBank tại từng thời điểm giải ngân. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động và cấp bảo lãnh cho bên B phục vụ thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng chấp thuận đề Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hà Tĩnh quản lý nguồn thu từ việc thực hiện thi công các hạng mục xây dựng thuộc hợp đồng EPC - Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Căn cứ theo phụ lục hợp đồng hạn mức tín dụng lần thứ 6 ngày 26/11/2014, khoản vay được gia hạn tới ngày 31/01/2016, lãi và gốc được trả một lần khi đáo hạn. Đến thời điểm 30/06/2018, giữa Tổng Công ty và Ngân hàng TMCP Đại Dương chi nhánh Hà Tĩnh chưa có văn bản thỏa thuận gia hạn khoản vay trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| | Số dư đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | Quỹ khác | chưa phân phối | LNST | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Tổng cộng | Đơn vị tính: VND |
|---|-----------------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------------------|----------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------|
| | | | | | | | | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2017 | 270.000.000.000 | 23.795.372.214 | - | (390.000.000) | 31.920.594.659 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (443.305.472.875) | 13.900.030.675 | - | 2.839.472.365 | |
| Tăng trong năm | - | 1.606.879.215 | - | - | - | - | - | 1.232.593.150 | - | - | 1.232.593.150 | |
| Lãi do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | - | 1.232.593.150 | - | - | 1.232.593.150 | |
| Tăng khác | - | 1.606.879.215 | - | - | - | - | - | - | - | - | 1.606.879.215 | |
| Giảm trong năm | - | (1.275.875.000) | - | - | (4.641.666.180) | - | - | (44.643.581.493) | (25.683.924.695) | (3.385.451.149) | (76.245.047.368) | |
| Lỗ trong năm nay | - | - | - | - | - | - | - | (52.210.016.499) | (3.385.451.149) | (3.385.451.149) | (55.595.467.648) | |
| Tăng/ Giảm do chuyển Công ty con thành liên kết | - | (1.275.875.000) | - | - | (4.641.666.180) | - | - | 7.566.435.006 | (22.298.473.546) | (22.298.473.546) | (20.649.579.720) | |
| Số dư tại 31/12/2017 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | - | (390.000.000) | 27.278.928.479 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (486.716.461.218) | (11.783.894.020) | (11.783.894.020) | (170.748.651.811) | |
| Số dư tại 01/01/2018 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | - | (390.000.000) | 27.278.928.479 | 25.981.000 | 6.710.417.519 | (486.716.461.218) | (11.783.894.020) | (11.783.894.020) | (170.748.651.811) | |
| Tăng trong kỳ | 65.219.780.000 | - | 1.072.018.933 | - | - | - | - | 864.801.545 | - | - | 67.156.600.478 | |
| Tăng vốn (x) | 65.219.780.000 | - | - | - | - | - | - | - | - | - | 65.219.780.000 | |
| Lãi do thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | - | - | - | - | - | - | - | 625.130.938 | - | - | 625.130.938 | |
| Tăng khác | - | - | 1.072.018.933 | - | - | - | - | 239.670.607 | - | - | 1.311.689.540 | |
| Giảm trong kỳ | (65.219.780.000) | - | - | - | (865.425.906) | - | (552.280.987) | (20.568.030.961) | (5.304.852.805) | (1.297.028.806) | (92.510.370.659) | |
| Lỗ | - | - | - | - | - | - | - | (20.455.875.733) | (1.297.028.806) | (1.297.028.806) | (21.752.904.539) | |
| Tăng/ Giảm do thoái vốn tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô | - | - | - | - | (865.425.906) | - | (552.280.987) | (112.155.228) | (4.007.823.999) | (4.007.823.999) | (5.557.686.120) | |
| Giảm vốn do bán giao Trường trung cấp KTNV Sông Hồng (x) | (65.219.780.000) | - | - | - | - | - | - | - | - | - | (65.219.780.000) | |
| Số dư tại 30/06/2018 | 270.000.000.000 | 24.126.376.429 | 1.072.018.933 | (390.000.000) | 26.413.502.573 | 25.981.000 | 6.158.136.532 | (506.419.690.634) | (17.088.746.825) | (17.088.746.825) | (196.102.421.992) | |

(x) Giám vốn điều lệ do bán giao Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Sông Hồng thuộc Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng về trực thuộc Bộ Xây dựng và Tăng vốn điều lệ bổ sung từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán hoàn thành ngày 05/01/2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

| | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | 132.412.000.000 | 197.631.780.000 |
| Phan Việt Anh | 40.319.780.000 | 100.000.000 |
| Phạm Thị Phương Thúy | 29.874.000.000 | 29.874.000.000 |
| Lã Tuấn Hưng | 25.000.000.000 | - |
| Cổ đông khác | 42.394.220.000 | 42.394.220.000 |
| Tổng | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|----------------------------------|--|--|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp tại đầu kỳ | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | 65.219.780.000 | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | (65.219.780.000) | - |
| Vốn góp tại cuối năm | 270.000.000.000 | 270.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

Tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/05/2017 bằng cách chào bán cổ phần riêng lẻ (cổ phiếu phổ thông) để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

d. Cổ phiếu

| | 30/06/2018 Cổ phiếu | 01/01/2018 Cổ phiếu |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Cổ phiếu phổ thông | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu) | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 26.413.502.573 | 27.278.928.479 |
| Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp | 25.981.000 | 25.981.000 |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 6.158.136.532 | 6.710.417.519 |
| Tổng | 32.597.620.105 | 34.015.326.998 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|-----------------------------|--|--|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 353.134.005 | 4.434.215.168 |
| Doanh thu bán hàng | - | 73.821.155.678 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 12.964.897.096 | 22.423.636.691 |
| Tổng | 13.318.031.101 | 100.679.007.537 |

5.23 Giá vốn hàng bán

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|---------------------------------|--|--|
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 777.893.766 | 4.095.714.122 |
| Giá vốn hàng bán | - | 50.715.341.079 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 12.526.632.561 | 38.475.967.378 |
| Tổng | 13.304.526.327 | 93.287.022.579 |

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|----------------------------|--|--|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 261.719.759 | 1.210.086.678 |
| Lãi thoái vốn (xi) | 2.505.979.427 | - |
| Tổng | 2.767.699.186 | 1.210.086.678 |

(xi) Lãi thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô.

5.25 Chi phí tài chính

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|--------------|--|--|
| Lãi tiền vay | 13.794.806.610 | 19.174.353.622 |
| Tổng | 13.794.806.610 | 19.174.353.622 |

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.26 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí quản lý | 11.203.342.305 | 21.058.948.893 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.431.549.294 | 9.662.698.879 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 93.068.231 | 103.810.608 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.223.976.089 | 2.221.750.285 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 491.527.201 | 3.234.138.344 |
| Thuế phí và lệ phí | 161.426.301 | 336.427.849 |
| Chi phí dự phòng | - | 734.624.258 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 545.216.535 | 982.342.036 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.256.578.654 | 3.783.156.634 |
| Tổng | 11.203.342.305 | 21.058.948.893 |

5.27 Thu nhập khác/ Chi phí khác

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|--|--|--|
| Thu nhập khác | | |
| Tiền cho thuê mặt bằng, văn phòng | 1.258.348.818 | 1.022.399.318 |
| Thanh lý Tài sản cố định | 248.181.818 | - |
| Phí thầu chính, thầu phụ | - | 297.942.318 |
| Thu nhập khác | 1.255.274.000 | 251.490.235 |
| Tổng | 2.761.804.636 | 1.571.831.871 |
| Chi phí khác | | |
| Chi phí phạt chậm nộp BHXH, phạt VPHC về lĩnh vực thuế | 86.891.748 | 290.262.494 |
| Khấu hao TSCĐ cho thuê | 2.195.950.269 | - |
| Ngân hàng thu lãi phạt | - | - |
| Chi phí phạt theo quyết định của tòa án | - | - |
| Chi phí khác | 14.922.203 | 346 |
| Tổng | 2.297.764.220 | 290.262.840 |
| Thu nhập khác/chi phí khác (thuận) | 464.040.416 | 1.281.569.031 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|--|--|--|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND) | (21.752.904.539) | (33.804.356.211) |
| Các khoản điều chỉnh | | |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | (20.455.875.733) | (52.210.016.499) |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | (1.297.028.806) | (3.385.451.149) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND) | (20.455.875.733) | (52.210.016.499) |
| Cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu) | 27.000.000 | 27.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu) | 39.000 | 39.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) | 26.961.000 | 26.961.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | (759) | (1.937) |

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 VND |
|----------------------------------|--|--|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.317.044.320 | 4.628.519.201 |
| Chi phí nhân công | 6.431.549.294 | 11.225.712.078 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.868.409.246 | 3.513.924.468 |
| Chi phí dự phòng | - | 4.015.120.056 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 13.849.742.862 | 65.632.624.362 |
| Chi phí khác bằng tiền | 1.418.004.955 | 5.633.399.952 |
| Tổng | 26.884.750.677 | 94.649.300.117 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông**

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán | Năm 2017 |
|--|---------------------|---|---------------|
| | | 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | VND |
| Ban Tổng Giám đốc, HĐQT và Ban kiểm soát | Lương, thù lao | 1.035.495.310 | 2.808.198.158 |

Giao dịch với các bên liên quan khác

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | Cho kỳ kế toán | Năm 2017 |
|------------------------------------|---------------------|---|----------------------|
| | | 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018 VND | VND |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | Mua hàng, dịch vụ | 6.152.064.940 | 4.742.404.695 |
| Tổng | | 6.152.064.940 | 4.742.404.695 |

Số dư với bên liên quan khác

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | 30/06/2018 | 01/01/2018 |
|---|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Sông Hồng 36 | Các khoản phải thu | 35.043.091.440 | 13.505.443.049 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Các khoản phải thu | 8.722.439.407 | 1.929.686.382 |
| Công ty CP XNK và Xây dựng Sông Hồng | Các khoản phải thu | 6.000.000.000 | 205.990.037 |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Các khoản phải thu | 4.394.550.567 | 3.681.000 |
| Công ty CP Thép Sông Hồng | Các khoản phải thu | 3.897.962.892 | 3.897.962.892 |
| Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng | Các khoản phải thu | 3.320.000.000 | - |
| Công ty CP Tư vấn Xây dựng Sông Hồng | Các khoản phải thu | 1.687.805.547 | 687.615.467 |
| Công ty CP Sông Hồng Bình Tây | Các khoản phải thu | 573.870.335 | 573.870.335 |
| Công ty CP Năng lượng Sông Hồng | Các khoản phải thu | 13.776.454 | 13.776.454 |
| Tổng | | 63.653.496.642 | 20.818.025.616 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | 30/06/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|---|---------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty liên doanh liên kết | | | |
| Công ty CP Xây dựng Đô thị Sông Hồng | Các khoản phải trả | 55.772.662.939 | 68.444.408.603 |
| Công ty CP Xây dựng Số 1 Sông Hồng | Các khoản phải trả | 41.915.808.709 | 40.735.405.632 |
| Công ty CP Sông Hồng Tây Đô | Các khoản phải trả | 20.071.122.423 | 12.037.666.996 |
| Công ty CP Sông Hồng Sài Gòn | Các khoản phải trả | 10.854.052.406 | 1.553.603.069 |
| Công ty CP Sông Hồng Miền Trung | Các khoản phải trả | 6.644.357.996 | 6.644.357.996 |
| Công ty CP Sông Hồng 8 (Metroco Sông Hồng) | Các khoản phải trả | 4.189.214.560 | 3.202.678.799 |
| Công ty CP Đầu tư & KD BĐS Hà Nội Sông Hồng | Các khoản phải trả | 2.675.781.961 | 2.528.899.709 |
| Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Hồng 9 | Các khoản phải trả | 277.675.257 | 277.675.257 |
| Tổng | | 142.400.676.251 | 135.424.696.061 |

6.2 Thông tin khác

- (i) Dự án Xây dựng nhà ở cao tầng I1, I2, I3 và văn phòng cho thuê Thành Công 2 - Thái Hà được thực hiện theo hợp đồng kinh tế số 07/HĐKT-2008 ngày 03/04/2008 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đang ghi nhận khoản lợi nhuận tạm tính thu được từ dự án là 103,92 tỷ đồng trên chi tiêu Phải thu dài hạn khác tuy nhiên Dự án này chưa được quyết toán với bên hợp tác đầu tư. Ngày 03/05/2018, Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT về việc: Quyết toán diện tích phân chia thực tế Dự án và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng khoản lợi nhuận ước tính trên là tương đối chính xác và chắc chắn thu được và theo đó các khoản điều chỉnh liên quan đến Dự án này sẽ chỉ được thực hiện khi có quyết toán cuối cùng với bên hợp tác đầu tư.
- (ii) Ngày 24/01/2017, Bộ Xây dựng đã có công văn số 153/BXD-QLDN về việc thoái vốn tại 8 công ty có vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng, bao gồm: CTCP Sông Hồng Miền Trung, CTCP Bất động sản Hà Nội Sông Hồng, CTCP Đầu tư Thương mại và Xây dựng CTGT Hà Nội (trước đây là CTCP Sông Hồng 10), CTCP Đầu tư và Xây dựng Sông Lô, CTCP Đầu tư địa ốc Sông Hồng, CTCP Năng lượng Sông Hồng, CTCP Công nghệ và Truyền thông Sông Hồng, CTCP Nhôm Sông Hồng. Đến hết tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã bán đấu giá thành công số cổ phần thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Lô. Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/08/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 221/TB-BXD ngày 06/06/2018 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng trong việc thoái vốn Nhà nước của Tổng Công ty Sông Hồng về mức 36% hoặc Bộ Xây dựng phải bán hết vốn Nhà nước vào năm 2018.
- (iii) Theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-SHC ngày 28/09/2009 giữa Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA), giá trị hợp đồng thi công của Tổng Công ty cho hạng mục của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I là 1.315,8 tỷ đồng được giao toàn bộ cho Ban điều hành Dự án Xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 quản lý và thực hiện. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27/01/2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 khoảng 1.090 tỷ đồng. Đồng thời, ngày 14/03/2016, PVN đã có văn bản số 1429/QĐ-DKVN về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 là 33.576,29 tỷ đồng. Theo đó, giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 213,8 tỷ đồng so với hợp đồng đã ký. Đơn vị Tổng thầu đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, PVN đã chấp thuận điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bao gồm giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án. Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc để thống nhất khối lượng mà Tổng Công ty đã thực hiện với đơn vị Tổng thầu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6.3 Cam kết về đầu tư khác

- (iv) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 965/HTĐT/2014 ngày 18/07/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long về việc đầu tư Dự án Khu nhà ở Sông Hồng - Việt Trì 1 + 2 với tổng mức đầu tư là 95 tỷ đồng. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 08/03/2017 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017, Công ty Cổ phần Sông Hồng Thăng Long đã quyết định dừng hợp tác đầu tư dự án trên với Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng do gặp khó khăn về tài chính, hồ sơ pháp lý khu đất không đầy đủ do thế chấp ngân hàng. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.
- (v) Theo biên bản làm việc ngày 10/03/2014 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 đã thống nhất chủ trương thực hiện triển khai Dự án tại khu đất Ngõ 49 đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc do Công ty Cổ phần Sông Hồng 6 quản lý. Tổng Công ty sẽ thực hiện góp vốn 40% (trong đó bao gồm vốn góp từ khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Sông Hồng 6) và đại diện cho hai bên tham gia góp vốn kinh doanh thực hiện dự án. Theo Công văn số 74/CV-SH6 ngày 20/12/2016 Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 đã đề nghị chấm dứt việc hợp tác đầu tư dự án tại khu đất của Công ty Cổ phần Sông Hồng số 6 tại TP Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc do gặp khó khăn về tài chính. Tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Dự án chưa hoàn tất thủ tục pháp lý để triển khai.

6.4 Nợ phải trả và Nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh

Tại thời điểm 30/06/2018, Tổng Công ty có các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản bảo lãnh cho các khoản vay Ngân hàng như sau:

- (vi) Thông báo số 1597/NHNHK-KHKD và số 1598/NHNHK-KHKD ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Hoàn Kiếm thông báo v/v: Khởi kiện Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng và Công ty TNHH MTV Cơ giới và Xây dựng Sông Hồng, Công ty TNHH MTV Sông Hồng An Dương để thu hồi khoản nợ theo các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng cam kết bảo lãnh.
- (vii) Quyết định thi hành án số 21/QĐ-CCTHA-KT ngày 15/01/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội về việc Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp (Simco) đồng ý tháo dỡ các biện pháp đảm bảo thi hành án và gia hạn công nợ phải trả cho Tổng Công ty có số tiền là 3.182.622.276 đồng đến ngày 31/08/2018.
- (viii) Theo Bản án số 45/2018/KDTM-PT ngày 12/04/2018 về việc Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại về việc tranh chấp Hợp đồng bảo lãnh giữa Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) và Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng. Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội kết luận Tổng Công ty Sông Hồng phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Thép Sông Hồng số tiền là 238.974.988.001 đồng, trong đó nợ gốc 95.438.288.472 đồng, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn 143.536.699.529 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG HỒNG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN/HN

6.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Sông Hồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Khánh Hậu

Nguyễn Thị Nhung

Lê Tuấn Hưng

